

Số: 28/2022/QĐST-HNGĐ

KA, ngày 11 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Hoàng Đình H

Sinh ngày 24 – 5 - 1980

Địa chỉ: Thôn TK, xã KG, huyện KA, tỉnh HT.

Bị đơn: Nguyễn Thị G

Sinh ngày: 02 – 7 - 1985

Địa chỉ: Thôn TK, xã KG, huyện KA, tỉnh HT.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 2 đường LH, phường TC, quận BD, HN

2. Ngân hàng B

Địa chỉ: Số 169 LD, phường HL, quận HM, HN

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Khoản 7 Điều 26, Điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Hoàng Đình H và chị Nguyễn Thị G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về con chung*: Anh Hoàng Đình H và chị Nguyễn Thị G có 03 con chung, gồm: Hoàng Thị Mai L, sinh ngày 10 – 6 – 2006; Hoàng Tường V – sinh ngày 21 – 7 – 2011 và Hoàng Thiện N – sinh ngày 26 – 11 – 2013

Giao 03 con chung cho anh Hoàng Đình H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Tòa án.

Chị Nguyễn Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Chị Nguyễn Thị G có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

2.1 *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Hoàng Đình H và chị Nguyễn Thị G, Ngân hàng A, Ngân hàng B đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh Hoàng Đình H, chị Nguyễn Thị G và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án. Sự tự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.1 *Về tài sản chung của vợ chồng*: Giao cho anh Hoàng Đình H sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số 12 với diện tích 410m² thuộc thôn Tân Khê (trước đây gọi là Tân Đông), xã KG, huyện KA, tỉnh HT, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 648709, số vào sổ cấp GCN: H 00035 do UBND huyện KA, tỉnh HT cấp ngày 12 tháng 8 năm 2010 cho Hoàng Văn Hòa, Nguyễn Thị G. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 mái ngói đỏ. (Hiện thửa đất cùng tài sản trên đất được chị Gắm, anh Hòa thế chấp tại Ngân hàng A)

- Quyền sử dụng đối với 03 thửa đất trồng lúa nước gồm: thửa số 1343 tờ bản đồ số 10, thửa số 1389 tờ bản đồ số 10, thửa số 253 tờ bản đồ số 13, thời hạn sử dụng đến tháng 8 năm 2065. Cả 03 thửa trên được UBND huyện KA, tỉnh HT cấp chung tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 972681, số vào sổ cấp CH 00101 ngày 05 -11 – 2015 CHO Hoàng Đình H, Nguyễn Thị G.

- Các tài sản trên hiện do anh Hòa sử dụng.

- Anh Hoàng Đình H chủ động làm thủ tục để sang tên, đổi chủ. Chị Nguyễn Thị G sẽ có trách nhiệm cùng với anh Hòa để làm thủ tục.

- Anh Hoàng Đình H phải đưa lại cho chị Nguyễn Thị G số tiền: 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) là tiền chênh lệch chia tài sản.

2.1.2. *Về nợ chung*

- Anh Hoàng Đình H phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền gốc: 170.000.000 đồng cùng tiền lãi, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 3713LAV2018 02844; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 3713LAV2018 02844 đề ngày 15 – 7 - 2020; báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ đề ngày 15 – 7 -2020; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 3713LAV2018 02844 đề ngày 15 – 7 – 2020 đề ngày 23 – 10 – 2020;

báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 23 -10 -2020; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 419/2018/KG/HĐTC ngày 03 -10 - 2018

-Chị Nguyễn Thị G phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng B tại phòng giao dịch huyện KA số tiền gốc: 50.000.000 đồng cùng tiền lãi như đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 6600000706893732, ngày vay 23 -3 -2016, hạn trả nợ đến ngày 23 -3 -2023, lãi suất 8,25%/năm.

- Khi anh Hòa thực hiện xong hoàn toàn khoản nợ như đã phân chia như trên cho Ngân hàng A thì ngân hàng mới thực hiện thủ tục giải chấp tài sản thế chấp.

Về án phí: Anh Hoàng Đình H thỏa thuận nộp toàn bộ 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 6.350.000đ (*Sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KA, tỉnh HT theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005335 ngày 16 tháng 8 năm 2022. Nay anh Hoàng Đình H được trả lại 6.200.000đ (*sáu triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện KA, tỉnh HT;
- VKS tỉnh HT;
- UBND xã Kỳ Khang, huyện KA, tỉnh HT;
- Chi cục THADS huyện KA, tỉnh HT;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh HT;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Văn thư.

THẨM PHÁN

Trần Quang Dũng